

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NG
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày 25-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NG, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Đại

Bà Đào Thị Hảo

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Thị Hạnh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân quận NG, thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ng, thành phố H tham gia phiên toà:** Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm- Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ng, H và điểm cầu thành phần- Trại tạm giam Công an thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai, theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1979 tại H; nơi cư trú: Số 2/26/119 Trần Phú, phường C, Quận Ng, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị Ph (tên gọi khác Nguyễn Thị Ph); có vợ là Huỳnh Ngọc Minh H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 183/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận L, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); tạm giữ từ ngày 05/3/2023, chuyển tạm giam từ ngày 13/3/2023; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Vũ Triệu A, sinh năm 2001; nơi cư trú: Số 933 K, phường H, quận H, thành phố H; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Nguyễn Văn U', sinh năm 1994; nơi cư trú: Số 10/313 Đ, phường C, Quận Ng, thành phố H; vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Ngọc Minh H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 22/26/119 Tr, phường C, Quận Ng, thành phố H; có mặt.

- *Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:* Ông Phạm Đức Huy, Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ng, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 02/3/2023, Nguyễn Tuấn Đ điều khiển xe mô tô BKS 15B4 – 361.32 chở theo con gái là cháu Nguyễn Huỳnh Thiên A, sinh năm 2021 đến khu vực Cung văn hóa Thanh Niên để chơi. Đến nơi, Đ dựng xe mô tô phía bên ngoài, sau đó bế con vào khu vực sân bóng rổ. Quan sát thấy khu vực tủ để đồ không có ai trông coi, nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp. Đ đi lại gần thì thấy trong ngăn tủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của anh Vũ Triệu A. Đ dùng tay phải lấy điện thoại cất vào túi quần bên phải đang mặc, rồi quay ra điều khiển xe mô tô chở con về nhà. Sau đó, Đ đến cửa hàng Istore 68, địa chỉ: 160 Đ, phường L, Quận Ng, gặp anh Nguyễn Văn U'. Đ nói muốn bán chiếc điện thoại mới nhất được. Sau khi kiểm tra, anh U' đồng ý mua và trả cho Đ 3.000.000 đồng. Đ đã một mình chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 06/3/2023, anh U' giao nộp điện thoại đã mua của Đ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Ng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 10/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân Quận Ng kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax, màu xanh, dung lượng 256 Gb, đã qua sử dụng, đến thời điểm bị xâm hại, có giá: 13.800.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 473/KL- KTHS (SKM) ngày 27/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: Xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, mang BKS 15B4 – 361.32, có số khung và số máy là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không bị tẩy xóa hoặc sửa chữa các ký tự, chủ xe là Nguyễn Tuấn Đ.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSNQ ngày 08 tháng 5 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ng truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ng luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại chiếc xe mô tô BKS 15B4 – 361.32 cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Văn U số tiền 3.000.000đồng. Bị hại, anh Uớc không yêu cầu gì thêm. Vì vậy, không đặt ra vấn đề giải quyết trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và khai: Khoảng 15 giờ ngày 02/3/2023, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 15B4 – 361.32 chở con gái đến Cung văn hóa Thanh Niên, vào khu vực sân bóng rổ chơi. Khi thấy tủ đồ không có ai trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Việc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp là do bột phát, bị cáo không có ý định từ trước. Chiếc xe mô tô BKS 15B4-361.32 đăng ký chủ xe mang tên bị cáo, là tài sản chung của bị cáo và vợ là Huỳnh Ngọc Minh H. Nguồn tiền mua xe là do thu nhập của hai vợ chồng bị cáo tích cóp có được. Do bị cáo đang bị tạm giam nên bị cáo đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe trên cho vợ bị cáo. Về số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã nhờ vợ của bị cáo trả cho anh U. Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Huỳnh Ngọc Minh H trình bày: Chị H là vợ của bị cáo. Chiếc xe mô tô BKS 15B4-361.32 là tài sản chung của chị và bị cáo. Chị H thống nhất với lời khai của bị cáo đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe trên cho vợ chồng chị. Do bị cáo đang bị tạm giam nên chị H là người nhận chiếc xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận Ng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 02/3/2023, tại khu vực Cung văn hóa Thanh Niên (số 45 L, Quận Ng, H), bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động trị giá 13.800.000đồng của anh Vũ Triệu A. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án đã được xóa án tích, có nhân thân không tốt.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Bố của bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, xét cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về trách nhiệm dân sự:

[6] Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn U đã nhận lại số tiền 3.000.000đồng. Bị hại, anh U không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về xử lý vật chứng:

[7] Đối với tài sản chiếm đoạt là 01 điện thoại di động, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là có căn cứ.

[8] Đối với 01 xe mô tô BKS 15B4 – 361.32, bị cáo là người đăng ký chủ xe. Bị cáo và vợ là chị Huỳnh Ngọc Minh H cùng xác nhận chiếc xe là tài sản chung của bị cáo và chị H, cùng đề nghị HĐXX trả lại xe cho chị H. Xét bị cáo điều khiển chiếc xe trên, chở con nhỏ đến chơi ở khu vực Cung văn hóa Thanh Niên. Sau khi dựng xe mô tô phía bên ngoài, đi vào khu vực sân bóng rổ, bị cáo mới nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, chiếc xe mô tô này không phải là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo và vợ của bị cáo, theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do bị cáo và chị H thống nhất đề nghị HĐXX trả lại xe cho chị H nên chấp nhận.

- Về án phí:

[9] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Những vấn đề khác:

[10] Đối với anh Nguyễn Văn U khi mua điện thoại không biết là tài sản bị cáo trộm cắp có được, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Đ 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05/3/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Huỳnh Ngọc Minh H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ đen, BKS: 15B4-361.32, số khung: RLHJF6339NZ142250, số máy: JF94E- 0502151, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Ng, thành phố H).

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải nộp 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án- chị Huỳnh Ngọc Minh H có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án- anh Nguyễn Văn U' có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND Quận NG;
- VKSND TP. H;
- TAND TP. H;
- CQCSĐT- Công an Quận NG;
- CQTHAHS- Công an Quận NG;
- Phòng PV06- Công an TP. H;
- Sở Tư pháp TP. H;
- Chi cục THA DS Quận NG;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

